

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN DÀI
CÁC SÔNG TRUNG BỘ, TÂY NGUYÊN VÀ NAM BỘ
(Từ ngày 01 đến 31/8/2020)**

1.1. Bắc Trung Bộ

Tóm tắt tình hình tháng qua
a. Tổng lượng mưa: Phổ biến có mưa vài nơi với TLM riêng tại Thanh Hóa và Nghệ An có nơi có mưa trên 130mm.
b. Trong tháng, mực nước thượng lưu sông Mã có dao động, các sông khác biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tháng 7, trên sông Mã tại Cẩm Thủy thấp hơn TBNN khoảng 69%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 85%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 77%.
Dự báo trong tháng tới
a. Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 250-350mm, có nơi cao hơn
b. Trong những ngày đầu tháng 8, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh xuất hiện một đợt lũ. Mực nước đỉnh lũ ở thượng nguồn các sông ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2, hạ lưu các sông còn dưới mức BĐ1, riêng sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố khả năng lên mức BĐ2-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy tháng 8, trên sông Mã tại Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 46%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 72%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 28%

1.2. Trung Trung Bộ

Tóm tắt tình hình tháng qua
a. Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-70mm, một số nơi có TLM lên tới 100-200mm như A Lưới, Nam Đông (Huế), Trà My (Quảng Nam).
b. Trong tháng, tổng lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên các sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) thấp hơn TBNN 64%, riêng sông Thu Bồn (Quảng Nam) và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn TBNN từ 15-19%.
Dự báo trong tháng tới

a. Tổng lượng mưa: Phía bắc Quảng Trị đến Huế phổ biến từ 150-250mm, phía nam chủ yếu từ 50-100mm, có nơi cao hơn.
b. Từ ngày 01-03/8, trên các sông Quảng Bình, Quảng Trị sẽ xuất hiện một đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông ở Quảng Bình khả năng ở mức BĐ2 - BĐ3, các sông Quảng Trị ở mức BĐ1-BĐ2, có sông trên BĐ2, các sông khác từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thừa Thiên Huế thấp hơn TBNN từ 25-33%, các sông từ Quảng Nam đến Quảng Ngãi cao hơn 15-17%.

1.3. Nam Trung Bộ

Tóm tắt tình hình tháng qua
a. Tổng lượng mưa: Phía bắc ít mưa, khu vực Khánh Hòa đến Bình Thuận phổ biến từ 100-230mm.
b. Trong tháng, tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 50-75%; riêng sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng và sông Lũy tại trạm Sông Lũy cao hơn trên 30%.
Dự báo trong tháng tới
a. Tổng lượng mưa: Phía bắc 40-70mm, từ Khánh Hòa đến Bình Thuận phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn 300mm.
b. Trong tháng tới, tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Bình Thuận có xu thế gia tăng, các sông khác ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trung bình trong khu vực phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng kỳ từ 40-80%, riêng sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng và sông Lũy tại Sông Lũy cao hơn 53%.

1.4. Tây Nguyên

Tóm tắt tình hình tháng qua
a. Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm, có nơi trên 400mm
b. Trong tháng, tổng lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông ĐắkBla tại Kon Tum thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 66%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn thấp hơn 9%.
Dự báo trong tháng tới
a. Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-350mm, có nơi cao hơn 400mm
b. Trong tháng tới, các sông thuộc khu vực Tây Nguyên có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ, đỉnh lũ các sông ở mức BĐ1 và trên BĐ1, các sông suối nhỏ lên

trên BĐ2. Tổng lượng dòng chảy trên sông ĐăkBlá tại Kon Tum thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 60%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn thấp hơn 12%.

1.5. Nam Bộ

Tóm tắt tình hình tháng qua	
a.	Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm, có nơi cao hơn
b.	Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long ít thay đổi và ở mức thấp hơn TBNN
Dự báo trong tháng tới	
a.	Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-350mm, có nơi cao hơn 400mm
b.	Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tăng dần và ở mức thấp hơn TBNN.

Tin phát lúc: 15h30

Dự báo viên: Vân, Huệ, Hải, Trang

Duyệt bản tin: Phùng Tiên Dũng

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính ở Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Mã	Cắm Thủy	W	474	< 69%	1473	< 46%
Cả	Yên Thượng	W	220	< 84%	643	< 72%
La	Hòa Duyệt	W	45,5	< 76%	147	< 28%
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	5,35	< 64%	13,1	< 31%
Thu Bồn	Nông Sơn	W	252	> 15%	281	> 15%
Trà Khúc	Sơn Giang	W	209	> 19%	230	> 17%
Ba	Củng Sơn	W	169	< 50%	402	< 37 %
Cái NT	Đông Trăng	W	111	> 29%	121	> 53%
ĐăkBlá	KonTum	W	74,9	< 66%	139	< 60%
Srêpôk	Giang Sơn	W	123	< 9%	187	< 12%
Tiền	Tân Châu	W			46000	<TBNN
Hậu	Châu Đốc	W			12000	<TBNN